

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/02/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Viết Ty
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Q -
Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trần Ngọc G, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký thường trú: xã M (nay là thị trấn N), huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

Bị đơn: chị Lê Thị M - sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Ruman; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Ngọc G trình bày:

- Về hôn nhân: anh G và chị Lê Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/10/2007 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Từ năm 2019, chị M đi xuất khẩu lao động tại Rumani đến nay và không quan tâm gì đến bố con anh. Chị M cũng không liên lạc với anh, vợ chồng đã sống ly thân. Theo thông tin từ gia đình chị M thì hiện nay chị M đang sống và làm ăn tại nước Rumani, chưa về nước, nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể của chị M bên R. Vì thời gian chờ đợi đã lâu, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

- Về nuôi con chung: anh và chị M có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng T, sinh ngày 10/4/2008; cháu Trần Thị Thanh N, sinh ngày 05/9/2014, hiện nay anh đang nuôi dưỡng. Nguyên vọng của anh khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản, công nợ chung: anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc G. Anh G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần Ngọc G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị M có hộ khẩu thường trú tại Tiểu khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng hiện nay chị M đã xuất cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục Q1 - Bộ C có văn bản số 5187/QLXNC-P5 ngày 19/12/2024 trả lời Công văn số 175/CV-TA ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: chị Lê Thị M, sinh ngày 12/6/1984, đã xuất nhập qua sân bay N, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tòa án đã tiến hành xác minh, yêu cầu ông Lê Vũ N1 là bố đẻ chị M cung cấp địa chỉ của chị M và thông báo cho chị M biết về việc anh G có đơn xin ly hôn đối với anh. Ông N1 đã thông tin cho chị M biết về việc anh G xin ly hôn, nhưng chị M không gửi văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét và không cung cấp địa chỉ cho ông N2 để ông cung cấp cho Tòa án. Do chị M không cung cấp địa chỉ,

anh G có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với chị M; anh G có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh G, chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc G và chị Lê Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Sau đó, chị M đi Rumani làm ăn, không liên lạc gì với chồng con, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu. Qua đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị M không có sự vun đắp từ hai phía, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Chị M đến nay vẫn chưa về nước, vợ chồng sống xa nhau nên không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Nay anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn chị M. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G, chị M xảy ra đã lâu, mức độ trầm trọng, đã sống ly thân nên thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, cho anh G được ly hôn chị M là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng T, sinh ngày 10/4/2008, cháu Trần Thị Thanh N, sinh ngày 05/9/2014. Xét thấy, các cháu chưa đủ tuổi thành niên nên cần phải giao cho bố hoặc mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị M không có ý kiến gì gửi Tòa án, anh G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện 02 cháu đang ở với anh G và có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T và N cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh G tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, nên chấp nhận.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc G

- Về hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc G ly hôn chị Lê Thị M.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Trần Thị Hồng T, sinh ngày 10/4/2008 và Trần Thị Thanh N, sinh ngày 05/9/2014 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải đóng góp nuôi con. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh Trần Ngọc G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Ngọc G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000791 ngày 30/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh G đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Chị Lê thị M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ; ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nga